So sánh thuế suất FTA – 9840.20.00

Mã HS	9840.20.00 Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Cao lanh (bột đá) dùng sản xuất sản phẩm cao su
Nước xuất xứ	— Chưa chọn —
Ngày nhập khẩu	2026-11-11
Thời điểm tạo	11/11/2026 11:28:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/fta/compare/?hs=98402000

So sánh thuế suất FTA

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất có thể áp dụng	Chênh lệch so MFN (điểm %)	Điều kiện hưởng	Phân loại khuyến cáo	Căn cứ dữ liệu
Thuế NK thông thường	5	5%		Khi không đủ điều kiện MFN		BT2026
MFN	0	0%		Áp dụng cho thành viên WTO/MFN		BT2026
AANZFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
ACFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
AHKFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
AIFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
AJCEP		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
AKFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất có thể áp dụng	Chênh lệch so MFN (điểm %)	Điều kiện hưởng	Phân loại khuyến cáo	Căn cứ dữ liệu
ATIGA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
CPTPP		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
EVFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
RCEP (Phụ lục A)		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
RCEP (Phụ lục B)		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
RCEP (Phụ lục C)		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
RCEP (Phụ lục D)		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
RCEP (Phụ lục E)		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
RCEP (Phụ lục F)		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
UKVFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
VCFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
VJEPA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
VKFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
VN-CAM		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
VN-EAEU		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất có thể áp dụng	Chênh lệch so MFN (điểm %)	Điều kiện hưởng	Phân loại khuyến cáo	Căn cứ dữ liệu
VN-LAO		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
VIFTA		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu

“Thuế suất công bố” lấy từ biểu thuế nguồn. “Thuế suất có thể áp dụng” chỉ là mức số học sau khi xét loại trừ quốc gia; điều kiện hưởng FTA luôn ở trạng thái chưa xác minh.

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.